TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN T
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: **20**/2018/HNGĐ - ST
Ngày 02/5/2018
V/v:"***Ly hôn, tranh chấp về nuôi con"***

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông **Nguyễn Văn Hiệp**.

Các hội thẩm nhân dân:

1. Ông **Lê Bá Hóa;**

2. Bà **Huỳnh Thị Yến.**

Thư ký phiên tòa: Bà **Nguyễn Thị Thu Phương**, là Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T: Ông **Nguyễn Ngọc Thắng**, Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 5 năm 2018, tại Hội trường xét xử Tòa án nhân dân huyện T, tỉnh Bình Thuận. Tòa án nhân dân huyện T mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 332/2017/TLST-HNGĐ ngày 21/12/2017, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*".

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 21/2018/QĐXXST- HNGĐ ngày 16 tháng 4 năm 2018 của Tòa án nhân dân huyện T, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Anh Bùi Ngọc P, sinh năm 1979. Có mặt.

2. *Bị đơn*: Chị Đặng Thị Ánh T, sinh năm 1977. Có mặt.

Cùng trú tại: Khu phố TT, thị trấn LT, huyện T, tỉnh Bình Thuận.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của nguyên đơn tại phiên tòa hôm nay, thì:

Anh Bùi Ngọc P và chị Đặng Thị Ánh T tự nguyện tìm hiểu và tiến đến hôn nhân. Anh, chị có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT vào năm 2003. Sau khi kết hôn, anh, chị chung sống hạnh phúc từ năm 2003 đến năm 2008. Tuy

nhiên, từ năm 2008 trở đi, vợ chồng anh không còn hạnh phúc mà thường xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là do chị T thường hay đi chơi nhậu say, không chăm lo cho chồng, con. Trong nhà từ việc nhỏ đến việc lớn đều do anh gánh vác, một mình anh phải vừa đi làm vừa nuôi các con ăn học. Ngoài ra, chị T còn thường hay ghen tuông vô cớ, dẫn đến vợ chồng cãi vã nhau, những lúc như vậy chị T quậy phá rồi đuổi anh ra khỏi nhà và bảo anh phải ly hôn. Mặc dù anh đã cố gắng khuyên bảo nhưng chị T vẫn không thay đổi. Hiện nay, anh và chị vẫn sống chung nhưng tình cảm giữa hai vợ chồng không còn nữa, anh không thể chịu đựng cuộc sống hôn nhân không có hạnh phúc. Vì vậy, anh yêu cầu Tòa án sớm giải quyết cho anh được ly hôn với chị T.

Về con chung: Anh và chị sinh được 02 người con chung tên Bùi Ngọc Ánh L, sinh ngày 22/8/2003 và Bùi Ngọc Đăng Khoa, sinh ngày 13/12/2011. Hiện các con vẫn đang ở chung với vợ chồng anh. Nếu ly hôn anh tùy vào nguyện vọng của các con. Trường hợp các con ở với anh thì anh đồng ý nuôi hết và không yêu cầu cấp dưỡng, còn nếu các con có nguyện vọng ở với chị T thì anh cũng đồng ý để chị nuôi 02 con và đồng ý cấp dưỡng theo yêu cầu của chị T.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo các bản tự khai, biên bản hòa giải có trong hồ sơ vụ án và lời trình bày của bị đơn tại phiên tòa hôm nay, thì:

Chị Đặng Thị Ánh T và anh Bùi Ngọc P tự nguyện kết hôn, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT vào năm 2003. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị chung sống hạnh phúc, không có mâu thuẫn gì nhưng thời gian sau đó chị phát hiện anh Phúc có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác dẫn đến vợ chồng thường hay cãi nhau, thậm chí anh P còn đánh đập chị. Ngoài ra, thời gian sau khi kết hôn nhà cửa của vợ chồng chị còn chật hẹp, kinh tế khó khăn nên anh P luôn chê bai, cằn nhằn và thường hay ra ngoài chơi. Tuy nhiên, vì các con nên chị chịu đựng tiếp tục chung sống với anh P nhưng thời gian gần đây, anh P đã vì một người phụ nữ khác mà yêu cầu chị phải ly hôn. Mặc dù, anh P không còn tình cảm với chị nhưng chị vẫn không đồng ý ly hôn để các con có cha có mẹ bên cạnh và nuôi dạy các con nên người. Do đó, dù anh P cương quyết ly hôn nhưng chị vẫn không đồng ý.

Về con chung: Chị và anh sinh được 02 người con chung như anh P khai là đúng. Hiện nay 02 con đang ở với vợ chồng chị. Nếu ly hôn chị yêu cầu được trực tiếp nuôi 02 người con và không yêu cầu anh P cấp dưỡng.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tòa án đã tổ chức nhiều phiên hòa giải để cho anh chị về đoàn tụ nhưng không thành.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử và Thư ký phiên tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn và bị đơn đã thực hiện đúng các quy định của BLTTDS về quyền và nghĩa vụ của đương sự.

Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án:

Đề nghị Hội đồng xét xử xem xét áp dụng: Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 147, 203, khoản 1 Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116, 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014; Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30 tháng 12 năm 2016, của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

- Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho anh Bùi Ngọc P được ly hôn với chị Đặng Thị Ánh T.

- Về con chung: Giao 02 người con chung tên Bùi Ngọc Ánh L, sinh ngày 22/8/2003 và Bùi Ngọc Đăng Khoa, sinh ngày 13/12/2011 cho chị T nuôi dưỡng cho đến khi thành niên; anh P phải cấp dưỡng nuôi con mỗi tháng 6.000.000đ (3.000.000 đồng đối với mỗi người con) cho đến khi cháu L và cháu Khoa thành niên và được quyền thăm nom, chăm sóc con, không ai được ngăn cản.

- Về án phí: Anh Bùi Ngọc P phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) tiền án phí dân sự sơ thẩm và 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Ngọc P và chị Đặng Thị ánh T kết hôn vào năm 2003, hôn nhân trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn LT. Do đó, hôn nhân giữa anh P và chị T là hôn nhân hợp pháp cần được pháp luật bảo vệ theo quy định tại Điều 8, 9 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

Tuy nhiên, trong quá trình chung sống với nhau, anh P và chị T thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Nguyên nhân là vợ chồng không còn tin tưởng nhau, không cùng nhau chia sẻ các vấn đề trong cuộc sống gia đình. Khi xảy ra mâu thuẫn các bên không cùng nhau giải quyết vấn đề mà chỉ biết nhìn vào các lỗi sai của nhau, dùng những lời lẽ thiếu tôn trọng đối phương nên dẫn đến mâu thuẫn không được giải quyết và kéo dài cho đến nay.

Ngày 18/12/2017, anh P đã nộp đơn khởi kiện yêu cầu giải quyết cho anh được ly hôn với chị T. Mặc dù Tòa án đã tiến hành hòa giải nhiều lần nhưng anh P vẫn cương quyết ly hôn và tại phiên tòa hôm nay, anh P thừa nhận anh không còn tình cảm với chị T nữa và cuộc sống hôn nhân giữa anh, chị cũng không có hạnh phúc. Đồng thời, chị T cho rằng mặc dù chị biết anh P có quan hệ tình cảm với người phụ nữ khác nhưng chị vẫn cam chịu chấp nhận và không đồng ý ly hôn.

Hội đồng xét xử xét thấy, mâu thuẫn giữa anh P và chị T đã xảy ra trong thời gian dài và trầm trọng. Vợ chồng không còn yêu thương, quan tâm, chăm sóc và chia sẻ với nhau. Tình cảm vợ chồng không còn xuất phát từ hai phía. Do đó, nếu kéo dài cuộc hôn nhân này sẽ gây bất lợi cho cả hai. Điều đó cho thấy cuộc sống hôn nhân của anh P và chị T không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Nghĩ nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của anh P là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[2] Về con chung: Các bên đương sự đều thừa nhận quá trình chung sống anh P và chị T sinh được 02 người con chung tên Bùi Ngọc Ánh L, sinh ngày 22/8/2003 và Bùi Ngọc Đăng Khoa, sinh ngày 13/12/2011. Nguyện vọng của chị T là được trực tiếp nuôi dưỡng 02 con và anh P cũng đồng ý. Tại phiên tòa hôm nay, anh P và chị T đều thống nhất được với nhau là chị T có trách nhiệm trực tiếp nuôi 02 con tên L và Khoa.

Xét thấy sự thỏa thuận này của các bên đương sự phù hợp với quy định của pháp luật, không trái đạo đức xã hội. Nghĩ nên công nhận sự thỏa thuận của các đương sự là: giao 02 con Bùi Ngọc Ánh L, và Bùi Ngọc Đăng Khoa cho chị T trực tiếp nuôi dưỡng là phù hợp với quy định tại khoản 2 Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về nghĩa vụ cấp dưỡng: Tại phiên tòa hôm nay, chị T từ chối nhận tiền cấp dưỡng nuôi con, nhưng xét thấy đây là quyền lợi của 02 con và anh P tự nguyện cấp dưỡng nuôi 02 người con mỗi tháng là: 6.000.000 đồng. Do đó, Hộ đồng xét xử nghĩ nên chấp nhận sự tự nguyên cấp dưỡng nuôi con Bùi Ngọc Ánh L, và Bùi Ngọc Đăng Khoa của anh P với mức cấp dưỡng mỗi tháng là: 6.000.000 đồng (trong đó mỗi người con 3.000.000 đồng/ tháng) cho đến khi các con đủ 18 tuổi là phù hợp với quy định Điều 110 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014.

[4] Xét về án phí dân sự sơ thẩm: Anh P phải chịu tiền án phí dân sự sơ thẩm về ly hôn và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con theo quy định tại khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 và Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH 14.

Theo ý kiến đề nghị của vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện T về việc giải quyết vụ án là có căn cứ và đúng pháp luật nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

Vì các lẽ trên:

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng:

- Khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, 146, 147, 203, 273 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, 81, 82, 83, 110, 116 và Điều 117 Luật hôn nhân gia đình năm 2014;

- Điều 26 Luật thi hành án dân sự;

- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14 ngày 30/12/2016, quy định về án phí, lệ phí Tòa án của Ủy ban thường vụ Quốc Hội.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Anh Bùi Ngọc P ly hôn chị Đặng Thị Ánh T.

2. Về con chung: Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự như sau:

- Chị Đặng Thị Ánh T có trách nhiệm trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục hai con tên Bùi Ngọc Ánh Linh, sinh ngày 22/8/2003 và Bùi Ngọc Đăng Khoa, sinh ngày 13/12/2011.

- Anh Bùi Ngọc P phải có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi hai con tên là Bùi Ngọc Ánh L và Bùi Ngọc Đăng Khoa cho chị Đặng Thị Ánh T mỗi tháng là: 6.000.000 đồng (mỗi người con 3.000.000đ/tháng), kể từ tháng 5/2018 cho đến khi các con đủ 18 năm tuổi. Anh P được quyền, nghĩa vụ thăm nom các con mà không ai được cản trở.

Kể từ ngày Bản án có hiệu lực pháp luật và người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án về cấp dưỡng, nếu người phải thi hành án chậm trả số tiền cấp dưỡng nêu trên thì hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 BLDS năm 2015.

3. Về án phí:

Anh Bùi Ngọc P phải chịu án phí dân sự sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng*) và tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con là: 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)*, để sung Công quỹ Nhà nước nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí dân sự sơ thẩm do anh P đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện T, theo biên lai số: 0012331 ngày 21 tháng 12 năm 2017. Anh P còn phải nộp 300.000 đồng (*Ba trăm ngàn đồng)* tiền án phí dân sự sơ thẩm về cấp dưỡng nuôi con để sung công quỹ Nhà nước.

4. Về quyền kháng cáo:

Báo cho nguyên đơn và bị đơn biết, có quyền kháng cáo Bản án này trong thời hạn 15 ngày tròn kể từ ngày tuyên án (*ngày 02/5/2018*), để Tòa án cấp trên xét xử phúc thẩm.

Trong trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự, có quyền thỏa thuận thi hành án dân sự, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án, theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án dân sự được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

HỘI ĐỒNG XÉT XỬ TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN T

CÁC HỘI THẨM NHÂN DÂN **THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- CC. THADS huyện T;
- Các đương sự;
- UBND thị trấn LT;
- Lưu hồ sơ - Văn phòng.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa